

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 – LAI CHÂU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2026/HNGĐ-ST
Ngày 14 tháng 8 năm 2026
“Ly hôn, tranh chấp nuôi con
chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - LAI CHÂU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Lê Minh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Đào Văn Vĩnh, ông Lò Văn Chiên

- *Thư ký phiên tòa:* ông Đỗ Tiến Tùng - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Lai Châu.

- *Đại diện viện kiểm sát nhân khu vực 3 - Lai Châu tham gia phiên tòa:* bà Đặng Ngọc Anh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 8 năm 2026 tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Lai Châu, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 127/2026/TLST- HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2026 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2025/QĐXXST - HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2026, Quyết định hoãn phiên tòa số 46/2026/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị **Điêu Thị M**, sinh năm: 1991 – *vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.*

Địa chỉ: **bản T, xã S, tỉnh Điện Biên.**

2. Bị đơn: anh **Vàng Văn N**, sinh năm 1983 - *vắng mặt lần 2.*

Địa chỉ: **bản P, xã P, tỉnh Lai Châu.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa nguyên đơn chị **Điêu Thị M** trình bày:

Về hôn nhân: chị **Điêu Thị M** và anh **Vàng Văn N** có đăng ký kết hôn số 46 ngày 31/8/2015 tại **Ủy ban nhân dân xã P, huyện S, tỉnh Lai Châu**. Việc kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn chung sống hạnh phúc một thời gian sau đó đến năm 2024 hai anh chị sống ly thân do thường xuyên mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, tính cách không hợp nhau, thường xuyên xảy ra cãi vã trong đời sống hàng ngày. Hiện không còn quan tâm đến nhau. Xét thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được chị **Điêu Thị M** đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn với anh **Vàng Văn N**;

Về con chung: chị **Điêu Thị M** và anh **Vàng Văn N** có một con chung là cháu: **Vàng Thị D**, sinh ngày 10/4/2017. Khi ly hôn chị **Điêu Thị M** có nguyện vọng được chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung là cháu **Vàng Thị D** cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con chung: chị **Điêu Thị M** không yêu

cầu anh Vàng Văn N phải cấp dưỡng nuôi con chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Vợ, chồng chị Điều Thị M, anh Vàng Văn N tự thỏa thuận nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về án phí: chị Điều Thị Mỹ C toàn bộ án phí dân sự về hôn nhân và gia đình.

2. Bị đơn anh Vàng Văn N: trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án của Tòa án và đơn khởi kiện của chị Điều Thị M (bản phô tô); Giấy triệu tập và Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ anh Vàng Văn N đã có mặt tại Tòa án để lấy ý kiến. Sau khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, ấn định thời gian xét xử, anh Vàng Văn N đã vắng mặt không có lý do tại phiên tòa xét xử lần thứ nhất, tại phiên tòa lần thứ hai bị đơn anh Vàng Văn N vẫn vắng mặt không có lý do. Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án anh Vàng Văn N đã trình bày:

Về hôn nhân: Toàn bộ quá trình đăng ký kết hôn như chị Điều Thị M trình bày là đúng, về mâu thuẫn hai vợ chồng có mâu thuẫn và sống ly thân với nhau, nay chị Điều Thị M đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn giữa hai vợ chồng thì anh Vàng Văn N nhất trí ly hôn với chị Điều Thị M.

Về con chung: anh Vàng Văn N và chị Điều Thị M có một con chung là cháu: Vàng Thị D, sinh ngày 10/4/2017. Khi ly hôn chị Điều Thị M có nguyện vọng được chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung là cháu Vàng Thị D cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi, anh Vàng Văn N không nhất trí cho chị Điều Thị Mỹ N1 con chung, nguyện vọng của anh Vàng Văn N muốn được nuôi con chung. Về cấp dưỡng nuôi con chung: nếu được nuôi con chung anh Vàng Văn N không yêu cầu chị Điều Thị M phải cấp dưỡng nuôi con chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: anh Vàng Văn N và chị Điều Thị M không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về án phí: đề nghị xem xét theo quy định của pháp luật.

Quan điểm của đại diện VKSND khu vực 3 - Lai Châu.

Về thủ tục Tố tụng: quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng, sự có mặt của các thành viên Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa, thủ tục phiên tòa theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng: nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 BLTTDS, bị đơn chưa thực hiện đúng quyền nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 BLTTDS.

Về nội dung: căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227; Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 đề nghị Hội đồng xét xử xem xét: chấp nhận yêu cầu của chị Điều Thị M, tuyên xử cho chị Điều Thị M được ly hôn với anh Vàng Văn N.

Về con chung: giao cho chị **Điều Thị M** là người trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu **Vàng Thị D** cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi, có khả năng lao động. Về cấp dưỡng nuôi con chung: chị **Điều Thị M** không yêu cầu anh **Vàng Văn N** phải cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét. Anh **N** có quyền thăm nom con chung không ai được phép cản trở. Về tài sản chung, nợ chung: các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đề cập giải quyết.

Về án phí dân sự sơ thẩm: chị **Điều Thị M** phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thủ tục thụ lý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: chị **Điều Thị M** nộp đơn khởi kiện về việc: “Ly hôn, nuôi con chung”, tại Tòa án nhân dân khu vực 3 - Lai Châu đối với anh **Vàng Văn N**; chị **Điều Thị M** có quyền yêu cầu giải quyết ly hôn theo quy định tại khoản 1 điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Chị **Điều Thị M** đã nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định. Tòa án nhân dân khu vực 3 đã thụ lý vụ án để giải quyết yêu cầu khởi kiện của chị **Điều Thị M**, theo khoản 1 Điều 53 Luật Hôn nhân gia đình và Điều 195 BLTTDS.

- Về thẩm quyền giải quyết: Ly hôn, nuôi con chung, giữa chị **Điều Thị M** và anh **Vàng Văn N**, bị đơn anh **Vàng Văn N** cư trú tại **bản P, xã P, tỉnh Lai Châu** nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Lai Châu theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

- Trong quá trình giải quyết vụ án đã có đầy đủ lời khai của nguyên đơn, bị đơn. Tuy nhiên anh **Vàng Văn N** được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Nguyên đơn chị **Điều Thị M** vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt cả nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

Về hôn nhân: chị **Điều Thị M** và anh **Vàng Văn N** kết hôn hợp pháp, việc kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn chung sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, đã sống ly thân không ai còn quan tâm đến nhau. Như vậy, có đủ cơ sở khẳng định việc hai vợ chồng không còn hạnh phúc, có mâu thuẫn là đúng. Xét tình trạng thực tế giữa hai vợ chồng, Hội đồng xét xử thấy có đủ căn cứ xác định cả hai anh chị đã vi phạm nghĩa vụ của vợ, chồng, dẫn đến không quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ, cùng chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Do đó, đã làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ khoản 1 điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của chị **Điều Thị M** giải quyết cho chị **Điều Thị M** ly hôn với anh **Vàng Văn N**.

Về con chung: chị **Điều Thị M** và anh **Vàng Văn N** có một con chung. Xét nguyện vọng của nguyên đơn chị **Điều Thị M**, nguyện vọng của con chung nên giao

cháu cháu **Vàng Thị D**, sinh ngày 10/4/2017 cho mẹ là chị **Điều Thị M** là người trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu cho đến khi thành niên đủ 18 tuổi. Anh **Vàng Văn N** có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Anh **Vàng Văn N**, chị **Điều Thị M** không ai có yêu cầu giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung nên không đề cập xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: nguyên đơn và bị đơn đều không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[3] Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của đại diện VKSND khu vực 3 – Lai Châu tại phiên Tòa là có cơ sở **pháp luật**, phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4] Về Án phí: chị **Điều Thị M** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 69, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 5; khoản 1 Điều 28, **điểm a khoản 1** Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 272; Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán TANDTC hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình. Nghị quyết số 01/2025/ NQ- HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán TANDTC hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của Tòa án nhân dân các cấp. Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Điều Thị M**. Về quan hệ hôn nhân chị **Điều Thị M** được ly hôn với anh **Vàng Văn N**.

2. Về con chung: giao cháu **Vàng Thị D**, sinh ngày 10/4/2017 cho mẹ là chị **Điều Thị M** là người trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu cho đến khi thành niên đủ 18 tuổi. Anh **Vàng Văn N** có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Chị **Điều Thị M** không yêu cầu anh **Vàng Văn N** phải cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét.

Các quyền và nghĩa vụ của cha, mẹ đối với con, thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại các Điều 58, 81, 82, 83, 84 và 116 của Luật hôn nhân và Gia đình.

3. Về tài sản chung, nợ chung: chị **Điều Thị M**, anh **Vàng Văn N** không đề nghị nên Tòa án không xem xét.

4. Về án phí: chị **Điều Thị M** phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0000065 ngày 24 tháng 02 năm 2026 tại Thi hành án dân sự tỉnh Lai Châu (đã nộp đủ tiền án phí).

5. Về quyền kháng cáo: nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND khu vực 3 – Lai Châu;
- Phòng THADS khu vực 3 – Lai Châu;
- UBND xã Pa Tần, tỉnh Lai Châu;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ
THẨM THẨM PHÁN – CHỦ TỌA
PHIÊN TÒA**

Lê Minh Tuấn

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

